TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1678/2026/DS-ST
Ngày: 24-4-2026
V/v: tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Hương Giang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh Trang

2. Ông Phạm Quang Liêm

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Võ Thị Bích Đào, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh*** *tham gia phiên tòa*: Ông Nguyễn Xuân Nhẫm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự, thụ lý số 1725/2025/DSST ngày 31 tháng 10 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 121/2026/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên toà số 129/2026/QĐST-DS ngày 31 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V

Địa chỉ trụ sở: H L, phường Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Trương Nhật T, ông Nguyễn Bảo M.

(Ông Trương Nhật T có mặt, ông Nguyễn Bảo M vắng mặt).

Địa chỉ: Lầu A số I C, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Văn bản ủy quyền số 2135/2025/UQ-VPB ngày 01/11/2025)

2. Bị đơn: Bà Tạ Thị Ngọc M1, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Địa chỉ: G L, phường P (phường P, quận T cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 17 tháng 6 năm 2025 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng TMCP V có ông Trương Nhật T là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngân hàng TMCP V (sau đây gọi tắt là V1) có ký với bà Tạ Thị Ngọc M1 thỏa thuận vay theo Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng và dịch vụ ngân hàng điện tử mở thẻ ngày 16/11/2023 tại Ngân hàng TMCP V (V1) cụ thể: Hạn mức thẻ tín dụng: 80.000.000 đồng; mục đích cấp tín dụng: Phục vụ nhu cầu đời sống; lãi suất: 39,48%/năm.

Từ ngày 15/7/2022, bà Tạ Thị Ngọc M1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ vay cho V2. Mặc dù, Ngân hàng đã tạo điều kiện về thời gian cho bà Tạ Thị Ngọc M1 trả nợ nhưng vẫn không có phương án trả dứt nợ cho ngân hàng.

Xét thấy bên vay không còn khả năng thanh toán nợ, do đó V2 đã chuyển toàn bộ khoản vay sang nợ quá hạn và thông báo chấm dứt việc thực hiện đối với hợp đồng cho vay trên, đồng thời tiến hành khởi kiện.

Nay V1 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Tạ Thị Ngọc M1 phải trả số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 30/01/2026 tổng cộng là: 164.744.987 đồng. Trong đó, nợ gốc là: 79.987.169 đồng; nợ lãi là: 84.757.818 đồng. Ngoài ra, bà Tạ Thị Ngọc M1 còn phải tiếp tục chịu nợ lãi theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nêu trên từ ngày 30/01/2026 cho đến khi thanh toán hết nợ cho ngân hàng V2.

Thời hạn và phương thức thanh toán: Trả ngay một lần khi bản án/quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn bà Tạ Thị Ngọc M1 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhưng bà M1 đều vắng mặt không có lý do chính đáng, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan và không có yêu cầu giải quyết vắng mặt theo qui định nên Tòa án không tiến hành hòa giải được vụ án.

Tại phiên tòa:

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trương Nhật T trình bày: nguyên đơn yêu cầu bà Tạ Thị Ngọc M1 thanh toán một lần số tiền còn thiếu của các hợp đồng tín dụng đã ký giữa các bên, tính đến ngày 24/4/2026 là 178.893.337 đồng (trong đó nợ gốc 79.987.169 đồng, nợ lãi: 98.906.168 đồng) và bà M1 còn phải tiếp tục trả lãi quá hạn theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng nêu trên, kể từ ngày 25/4/2026 cho đến khi thanh toán hết nợ cho nguyên đơn.

- Bị đơn bà Tạ Thị Ngọc M1 vắng mặt không lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan và không có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:**

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đều tuân theo đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo nguyên tắc xét xử, thành phần Hội đồng xét xử đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn về nợ gốc và tiền lãi quá hạn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ đơn khởi kiện ngày 17 tháng 6 năm 2025 và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng Đ ký ngày 07/11/2023, bị đơn bà Tạ Thị Ngọc M1 có địa chỉ cư trú tại G L, phường P, quận T cũ nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh. Xét, đây là tranh chấp hợp đồng dân sự, cụ thể là Hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Mục 2 của Luật số 85/2025/QH15 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Luật Tố Tụng Hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án; Điều 4 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực, quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; Điều 4 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ thực hiện thẩm quyền của các Toà án nhân dân.

[2].Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn bà Tạ Thị Ngọc M1 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định tại các Điều 171, Điều 177, Điều 179, Điều 196, Điều 208, Điều 220, Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhưng bà Tạ Thị Ngọc M1 đều vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan và không có yêu cầu giải quyết vắng mặt theo quy định. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3]. Về yêu cầu của đương sự:

Căn cứ Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chỉ xem xét giải quyết trong phạm vi vấn đề đương sự có yêu cầu, những vấn đề liên quan đến vụ án đương sự không yêu cầu, Hội đồng xét xử không giải quyết.

Theo khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: "Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Toà án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc". Bị đơn vắng mặt, không đến toà, họ đã từ bỏ quyền được chứng minh của mình nên Hội đồng xét xử căn cứ vào yêu cầu, chứng cứ, tài liệu của nguyên đơn nộp và Tòa án thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án, để xem xét giải quyết.

[3.1] Về hình thức và nội dung hợp đồng tín dụng:

Xét, Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử số số 325-P-5815024 ký ngày 07/11/2023 giữa Ngân hàng TMCP V và bà Tạ Thị Ngọc M1; lời khai của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy: hai bên có xác lập hợp đồng theo mẫu chung do nguyên đơn dự thảo, theo quy định tại Điều 405 Bộ luật Dân sự 2015, việc hai bên ký hợp đồng theo đúng trình tự, thủ tục quy định, đồng thời bị đơn bà M1 chưa thực hiện thanh toán một số kỳ của hợp đồng (theo bảng chi tiết tính lãi tiền vay và quá hạn do nguyên đơn cung cấp) nên Hội đồng xét xử xét, hình thức và nội dung bản hợp đồng này được giao kết và thực hiện là hoàn toàn tự nguyện, hình thức hợp đồng và nội dung thỏa thuận phù hợp và không trái quy định pháp luật, có hiệu lực kể từ thời điểm các bên giao kết hợp đồng theo quy định tại các Điều 385, Điều 398, Điều 405, Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 của Luật các Tổ chức tín dụng.

Trong vụ án này, bị đơn bà Tạ Thị Ngọc M1 không có yêu cầu phản tố.

[3.2] Về thực hiện hợp đồng và nghĩa vụ thanh toán:

Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ theo đơn khởi kiện; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử số số 325-P-5815024 ký ngày 07/11/2023 giữa Ngân hàng TMCP V và bà Tạ Thị Ngọc M1; bảng chi tiết tính lãi tiền vay và quá hạn do nguyên đơn lập, xác định trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà M1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận nên nguyên đơn yêu cầu bà M1 thanh toán nợ gốc và lãi tính đến ngày 24 tháng 4 năm 2026 là 178.893.337 đồng (trong đó nợ gốc 79.987.169 đồng, nợ lãi: 98.906.168 đồng) có căn cứ, phù hợp quy định tại các Điều 351, Điều 357, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, bà M1 mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa trình bày ý kiến, cũng không cung cấp chứng cứ chứng minh đã thanh toán nợ cho Ngân hàng nên việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà M1 thanh toán số nợ trên là có cơ sở, đúng pháp luật, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91; Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Do vậy, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3.3]. Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ:

Căn cứ Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử xét thấy: yêu cầu của nguyên đơn về khoản tiền lãi chậm trả phát sinh kể từ ngày 25/4/2026 theo mức lãi suất do hai bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng là phù hợp nên chấp nhận.

[3.4]. Về thời hạn thanh toán:

Hội đồng xét xử xét thấy, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ trên nên nguyên đơn yêu cầu thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bà Tạ Thị Ngọc M1 nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP V số tiền tính đến ngày 24 tháng 4 năm 2026 là 178.893.337 đồng (trong đó nợ gốc 79.987.169 đồng, nợ lãi: 98.906.168 đồng) và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất do hai bên thỏa thuận tại hợp đồng kể từ 25/4/2026 cho đến khi thanh toán xong số nợ. Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[4]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết vụ án là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bà Tạ Thị Ngọc M1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Hoàn trả toàn bộ tiền tạm ứng án phí cho ngân hàng TMCP V.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 179, Điều 228, Điều 264, Điều 266, Điều 267, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Mục 2 của Luật số 85/2025/QH15 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Luật Tố Tụng Hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

- Điều 4 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân

khu vực, quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực;

- Điều 4 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ thực hiện thẩm quyền của các Toà án nhân dân.

Áp dụng:

- Điều 351, Điều 357, Điều 385, Điều 398, Điều 405, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ngân hàng TMCP V:

- Bà Tạ Thị Ngọc M1 có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP V số tiền còn thiếu của Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng Đ ký ngày 07/11/2023 là 178.893.337 đồng (trong đó nợ gốc 79.987.169 đồng, nợ lãi: 98.906.168 đồng)

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Tạ Thị Ngọc M1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh trên số dư nợ gốc theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận tại Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử số số 325-P-5815024 ký ngày 07/11/2023 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ trên.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Thời hạn và phương thức thanh toán: Một lần, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Tạ Thị Ngọc M1 phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 8.944.667 đồng.

Hoàn trả toàn bộ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng cho Ngân hàng TMCP V theo biên lai thu số 0020388 ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Thi hành án dân sự Thành phố H.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND KV 9-TP.HCM;
- Thi hành án dân sự TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Hương Giang